

Bản án số: 10/2026/HS-ST

Ngày: 28/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Hồng C.

Ông Phạm Ngọc H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Đại Ph - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai L - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2025/TLHS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà đối với các bị cáo:

1. ĐẶNG VĂN D, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2005 tại Ninh Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố N, phường H, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn H và bà Đinh Thị Anh T; Chưa có vợ, con;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 23/6/2021, bị Công an thành phố N, tỉnh Ninh Bình xử phạt cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

2. PHAN VĂN D1, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1996 tại Ninh Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 8/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn T và bà Trịnh Thị L; Có vợ và 02 con;

Tiền án: Ngày 20/10/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 21 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10/6/2015, bị Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”;

Bị cáo hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Vạn Thị H, sinh năm: 1958; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Nh (Q, H), sinh năm: 1960; Nơi cư trú: Thôn C, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

3. Bà Đồng Thị Kim C, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1954; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

5. Bà Trần Thị H (Th), sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

6. Bà Đồng Thị Thuỳ M, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

7. Bà Trương Thị Kim H (Nh), sinh năm: 1965; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

8. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Thôn Tr, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

9. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1969; Nơi cư trú: Thôn Tr, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

10. Bà Phạm Thị R, sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Thôn 5, xã N, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

11. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1998; Nơi cư trú: Xóm 7, xã V, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

12. Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm: 2002; Nơi cư trú: Thôn Tr, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

13. Bà Phan Thị T, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Thôn Tr, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

14. Bà Bá Thị B, sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

15. Bà Trương Thị Kim T (S, S1), sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn H, xã Phước Hậu, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

16. Bà Đảng Mai Kim B, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Thôn Đ 2, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)
17. Bà Tài Thị Tr, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Thôn C, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)
18. Bà Dương Thị Nh (Á), sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)
19. Bà Thiên Thị Kim T, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)
20. Bà Quảng Thị Th, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)
21. Bà Đạt Thị Kim T, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)
22. Bà Bùi Thị Minh Th, sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Thôn Đ 1 , xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)
23. Bà Lưu Thị G, sinh năm: 1961; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)
24. Bà Lê Thị Quỳnh D, sinh năm: 2001; Nơi cư trú: Thôn Tr, xã P, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
25. Bà Đồng Thị S, sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)
26. Bà Trần Thị Phương T, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Thôn N 3, xã P, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
27. Bà Châu Thị X, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
28. Bà Hán Thị Sơn C, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)
29. Bà Võ Thị L, sinh năm: 1961; Nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)
30. Bà Phùng Thị Ch, sinh năm: 1977; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
31. Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
32. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1963; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
33. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Thôn 5, xã N, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)

34. Bà Hồ Thị Kim Huỳnh (Quỳnh), sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
35. Bà Nguyễn Kim A, sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường Đ, tỉnh Khánh Hoà. Chỗ ở hiện tại: Thôn Đ, xã H, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
36. Bà Lư Thị Kim Kh, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
37. Bà Phùng Thị Ph, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
38. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
39. Bà Phùng Thị L, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
40. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1957; Nơi cư trú: Thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
41. Bà Trương Thị Đ, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
42. Bà Lê Thị Thu, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
43. Bà Phùng Thị D, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
44. Bà Trần Thị Kim Ng, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
45. Bà Nguyễn Thị H (T), sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
46. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Thôn 5, xã N, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
47. Bà Trần Thị L, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn 5, xã N, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
48. Bà Huỳnh Thị Ch (S), sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Thôn Đ 1, xã P, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)
49. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn Đ 1, xã P, tỉnh Khánh Hoà. (Có mặt)
50. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Khánh Hoà. (Có mặt)
51. Bà Trịnh Thị Bích Th, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Khánh Hoà. (Có mặt)

52. Bà Võ Thị Hồng Ch, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Thôn N 3, xã P, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)

53. Bà Thuận Thị Th (Th), sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)

54. Bà Dương Thị Thuý M, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Thôn 5, xã N, tỉnh Khánh Hoà. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Biết những người dân ở địa bàn huyện N và thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (nay là tỉnh Khánh Hòa) có nhu cầu vay tiền nên Đặng Văn D và Phan Văn D1 cùng nhau góp tiền để cho người dân vay với hình thức trả góp (trả cả lãi và gốc hàng ngày) không có hợp đồng, không cần thế chấp hay cầm cố gì mà chỉ cần người vay cung cấp số điện thoại và địa chỉ để liên lạc khi cần thiết. Người vay vay 1.000.000 đồng thì phải trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả cả gốc lẫn lãi 50.000 đồng, nếu vay số tiền lớn hơn thì cũng tính theo tỷ lệ tương tự. Khi giao dịch, D và D1 dùng tên giả là “D và T”, sử dụng số điện thoại 0983.756.662 để liên hệ và xe mô tô biển số 29M1-575.87 đi đến nhà người vay trực tiếp thu tiền hoặc người vay chuyển khoản qua tài khoản số 0706741666 của D tại Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB). Vào lúc 10 giờ 20 phút, ngày 07/5/2024, khi D đang đi thu tiền của một số người vay ở xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã P, tỉnh Khánh Hòa) thì bị Công an xã P phát hiện.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Văn D và Phan Văn D1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. D1 còn khai nhận mình đã đốt cuốn sổ ghi chép cho vay khi biết D bị Công an phát hiện. Cơ quan điều tra đã chứng minh được D và D1 cho 54 người vay với số tiền gốc là 288.000.000 đồng, lãi suất từ 152,08%/năm đến 304,17%/năm gấp 7,60 lần đến 15,21 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền lãi D và D1 thu được là 46.858.333 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp (lãi suất đến 20%) theo quy định là 3.212.603 đồng; tiền thu lợi bất chính (lãi suất trên 20%) là 43.645.731 đồng. Số tiền, lần vay của từng người cụ thể như sau:

1. Bà Vạn Thị H vay 2.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào tháng 01/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà H đã trả đủ 24 ngày là 2.400.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng trong đó lãi suất hợp pháp là 26.301 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 373.699 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Nh (Q, H) vay 02 lần với tổng số tiền 9.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 5.000.000 đồng vào tháng 01/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng. Bà Nh đã trả đủ 24 ngày là 6.000.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 65.753 đồng, tiền thu lợi bất chính là 934.247 đồng.

- Lần 2: Vay 4.000.000 đồng vào tháng 5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà Nh mới trả được 6 ngày là 1.200.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 1.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 13.151 đồng, tiền thu lợi bất chính là 186.849 đồng. Số tiền gốc bà Nh còn nợ 3.000.000 đồng.

3. Bà Đồng Thị Kim C vay 02 lần với tổng số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 3.000.000 đồng vào tháng 03/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà C đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

- Lần 2: Vay 3.000.000 đồng vào ngày 23/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà C mới trả được 15 ngày là 2.250.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 1.875.000 đồng, tiền lãi là 375.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 24.658 đồng, tiền thu lợi bất chính là 350.342 đồng. Số tiền gốc bà C còn nợ 1.125.000 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị L vay 03 lần với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1 và Lần 2 vay trong tháng 1/2024, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi lần trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà L đã trả đủ số tiền 2 lần vay này là 4.800.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 52.602 đồng, tiền thu lợi bất chính là 747.398 đồng.

- Lần 3: Vay 2.000.000 đồng vào ngày 3/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà L mới trả được 4 ngày là 400.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 4.384 đồng, tiền thu lợi bất chính là 62.283 đồng. Số tiền gốc bà L còn nợ 1.666.667 đồng.

5. Bà Trần Thị H vay 02 lần với tổng số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 3.000.000 đồng vào tháng 4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà H đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

- Lần 2: Vào ngày 02/5/2024, D và D1 cho bà Hằng vay 3.000.000 đồng vào ngày 02/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà H mới trả được 7 ngày là 1.050.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 875.000 đồng, tiền lãi là 175.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 11.507 đồng, tiền thu lợi bất chính là 163.493 đồng. Số tiền gốc bà H còn nợ 2.125.000 đồng.

6. Bà Đồng Thị Thuỳ M vay 02 lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 3.000.000 đồng vào ngày 17/3/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà M đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

- Lần 2: Vay 4.000.000 đồng vào ngày 18/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà M mới trả được 19 ngày là 3.800.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.166.667 đồng, tiền lãi là 633.333 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 41.644 đồng, tiền thu lợi bất chính là 591.689 đồng. Số tiền gốc bà M còn nợ 833.333 đồng.

7. Bà Trương Thị Kim H (Nh) vay 04 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào các tháng 01/2024, tháng 02/2024, tháng 03/2024, tháng 04/2024, thỏa thuận mỗi lần trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Tổng số tiền bà H nhận vay là 12.000.000 đồng. Bà H đã trả đủ hết những lần vay trên với tổng số tiền 14.400.000 đồng, gồm tiền gốc vay là 12.000.000 đồng, tiền lãi là 2.400.000 đồng trong đó lãi hợp pháp là 157.808 đồng và tiền thu lợi bất chính là 2.242.192 đồng.

8. Bà Nguyễn Thị Thu H vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 28/3/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà H đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

9. Bà Nguyễn Thị Kim L vay 03 lần với tổng số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 2.000.000 đồng vào tháng 1/2024 và Lần 2: Vay 2.000.000 đồng vào ngày 20/4/2024. Cả 02 lần đều thỏa thuận mỗi lần trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà Loan đã trả đủ số tiền 2 lần vay này là 4.800.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 52.602 đồng, tiền thu lợi bất chính là 747.398 đồng.

- Lần 3: Vay 2.000.000 đồng vào ngày 02/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà L mới trả được 5 ngày là 500.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 416.667 đồng, tiền lãi là 83.333 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 5.479 đồng, tiền thu lợi bất chính là 77.854 đồng. Số tiền gốc bà L còn nợ 1.583.333 đồng.

10. Bà Lê Thị Tuyết M vay 02 lần với tổng số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 2.000.000 đồng vào đầu tháng 4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà M đã trả đủ 24 ngày là 2.400.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 26.301 đồng, tiền thu lợi bất chính là 373.699 đồng.

- Lần 2: Vay 2.000.000 đồng vào ngày 02/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà M mới trả được 7 ngày là 700.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 583.333 đồng, tiền lãi là 116.667 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 7.671 đồng, tiền thu lợi bất chính là 108.995 đồng. Số tiền gốc bà M còn nợ lại là 1.416.667 đồng.

11. Bà Phan Thị T vay 02 lần với tổng số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 3.000.000 vào ngày 29/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà T mới trả được 10 ngày là 1.500.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 1.250.000 đồng, tiền lãi là 250.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 16.438 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 233.562 đồng. Số tiền gốc bà T còn nợ 1.750.000 đồng.

- Lần 2: Vay 3.000.000 đồng vào ngày 2/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà T mới trả được 5 ngày là 750.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 625.000 đồng, tiền lãi là 125.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 8.219 đồng, tiền thu lợi bất chính là 116.781 đồng. Số tiền gốc bà T còn nợ 2.375.000 đồng.

Tổng số tiền gốc bà T còn nợ là 4.125.000 đồng.

12. Bà Bá Thị B vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 21/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà B mới trả được 17 ngày là 2.550.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 2.125 đồng, tiền lãi là 425.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 27.945 đồng, tiền thu lợi bất chính là 397.055 đồng. Số tiền gốc bà B còn nợ 875.000 đồng.

13. Bà Trương Thị Kim T (S, S) vay 5.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào tháng 03/2023, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng. Bà T đã trả đủ 24 ngày là 6.000.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 65.735 đồng, tiền thu lợi bất chính là 934.247 đồng.

14. Bà Đảng Mai Kim B vay 03 lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 5.000.000 đồng vào đầu tháng 3/2024 và Lần 2: Vay 5.000.000 đồng vào đầu tháng 4/2024. Cả 02 lần đều thỏa thuận mỗi lần trả trong 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng. Bà B đã trả đủ số tiền 2 lần vay này là 12.000.000 đồng, gồm

tiền vay gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 131.506 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.868.494 đồng.

- Lần 3: Vay 5.000.000 vào ngày 05/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng. Bà B mới trả được 2 ngày là 500.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 416,667 đồng, tiền lãi là 83.333 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 5.479 đồng, tiền thu lợi bất chính là 77.854 đồng. Số tiền gốc bà B còn nợ 4.583.333 đồng.

15. Bà Tài Thị Tr vay 4 lần với tổng số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1 và Lần 2 vay vào cuối năm 2023, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi lần trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà Tr đã trả đủ số tiền 2 lần vay này là 4.800.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 52.602 đồng, tiền thu lợi bất chính là 747.398 đồng.

- Lần 3: Vay 2.000.000 vào ngày 01/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà Tr mới đã trả được 06 ngày là 600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 500.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 6.575 đồng, tiền thu lợi bất chính là 93.425 đồng. Số tiền gốc bà Tr còn nợ 1.500.000 đồng.

- Lần 4: Vay 2.000.000 đồng vào ngày 04/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà Tr mới đã trả được 3 ngày là 300.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 3.288 đồng, tiền thu lợi bất chính là 46.712 đồng. Số tiền gốc bà Tr còn nợ 1.750.000 đồng.

Tổng số tiền gốc bà Tr còn nợ 3.250.000 đồng.

16. Bà Dương Thị Nh (Á) vay 02 lần với tổng số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 5.000.000 đồng vào tháng 4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng. Bà Nh đã trả đủ 24 ngày là 6.000.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 65.753 đồng, tiền thu lợi bất chính là 934.247 đồng.

- Lần 2: Vay 5.000.000 đồng vào tháng 5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng. Bà Nh mới đã trả được 9 ngày là 2.250.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 1.875.000 đồng, tiền lãi là 375.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 24.658 đồng, tiền thu lợi bất chính là 350.342 đồng. Số tiền gốc bà Nh còn nợ 3.125.000 đồng.

17. Bà Thiên Thị Kim T vay 4 lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 3.000.000 đồng vào tháng 02/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà T đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc

là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

- Lần 2: Vay 4.000.000 vào tháng 3/2024 và Lần 3: Vay 4.000.000 đồng vào tháng 4/2024. Cả 02 lần đều thỏa thuận mỗi lần trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà T đã trả đủ số tiền 2 lần vay này là 9.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 8.000.000 đồng, tiền lãi là 1.600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 105.206 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.494.794 đồng.

- Lần 4: Vay 4.000.000 đồng vào tháng 05/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà T mới trả được 4 ngày là 800.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 666.667 đồng, tiền lãi là 133.333 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 8.767 đồng, tiền thu lợi bất chính là 124.566 đồng. Số tiền gốc bà T còn nợ 3.333.333 đồng.

18. Bà Quảng Thị Th vay 4.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 10/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà Th mới trả được 22 ngày là 4.40.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.666.667 đồng, tiền lãi là 733.333 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 48.219 đồng, tiền thu lợi bất chính là 685.114 đồng. Số tiền gốc bà Th còn nợ 333.333 đồng.

19. Bà Đạt Thị Kim T (L) vay 2.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 04/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà T mới trả được 3 ngày là 300.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 3.288 đồng, tiền thu lợi bất chính là 46.712 đồng. Số tiền gốc bà T còn nợ 1.750.000 đồng.

20. Bà Bùi Thị Minh Th vay 02 lần với tổng số tiền 16.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 8.000.000 đồng vào ngày 27/02/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng. Bà Tơ đã trả đủ 24 là 9.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 8.000.000 đồng, tiền lãi là 1.600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 105.206 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.494.794 đồng.

- Lần 2: Vay 8.000.000 đồng vào cuối tháng 4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng. Bà Th mới đã được 7 ngày là 2.800.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 2.333.333 đồng, tiền lãi là 466.667 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 30.685 đồng, tiền thu lợi bất chính là 435.982 đồng. Số tiền gốc bà Th còn nợ 5.666.667 đồng.

21. Bà Lưu Thị G vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 30/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà G mới đã được 7 ngày là 1.050.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 875.000 đồng, tiền lãi là 175.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 11.507 đồng, tiền thu lợi bất chính là 163.493 đồng. Số tiền gốc bà G còn nợ 2.125.000 đồng.

22. Bà Lê Thị Quỳnh D vay 03 lần với tổng số tiền 6.000.000 đồng, mỗi lần 2.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào tháng 01/2024, ngày 22/4/2024 và ngày 02/5/2024, thỏa thuận mỗi lần trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà D đã trả đủ số tiền 3 lần vay này là 7.200.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 6.000.000 đồng, tiền lãi là 1.200.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 78.903 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.121.097 đồng.

23. Bà Đồng Thị S vay 04 lần với tổng số tiền 16.000.000 đồng, mỗi lần 4.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào tháng 12/2023, tháng 2/2024, cuối tháng 3/2024 và cuối tháng 4/2024, thỏa thuận mỗi lần trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà S đã trả đủ số tiền 4 lần vay này là 19.200.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 16.000.000 đồng, tiền lãi là 3.200.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 210.412 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.989.588 đồng.

24. Bà Trần Thị Phương T vay 10.000.000 đồng, lãi suất 152,08%/năm vào ngày 15/3/2024, thỏa thuận trả trong 48 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng. Bà T đã trả đủ 48 ngày là 12.000.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 263.014 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.736.986 đồng.

25. Bà Châu Thị X vay 5.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 21/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng. Bà X đã trả đủ 24 ngày là 6.000.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 65.753 đồng, tiền thu lợi bất chính là 934.247 đồng. Số tiền gốc bà X còn nợ 2.125.000 đồng.

26. Bà Hán Thị Sơn C vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 02/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà C đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

27. Bà Võ Thị L vay 4.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 30/3/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà L đã trả đủ 24 ngày là 4.800.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 52.603 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 747.397 đồng.

28. Bà Huỳnh Thị Ph vay 2.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 08/01/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà Ph đã trả đủ 24 ngày là 2.400.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 26.301 đồng, tiền thu lợi bất chính là 373.699 đồng.

29. Bà Nguyễn Thị Q vay 4.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 26/12/2023, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà Q đã trả đủ 24

ngày là 4.800.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 52.603 đồng, tiền thu lợi bất chính là 747.397 đồng.

30. Bà Nguyễn Thị Ph vay 4.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 15/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà Ph mới đã trả được 22 ngày là 4.400.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.666.667 đồng, tiền lãi là 733.333 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 48.219 đồng, tiền thu lợi bất chính là 685.114 đồng. Số tiền gốc bà Ph còn nợ 333.333 đồng.

31. Bà Hồ Thị Kim H (Q) vay 6.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào tháng 01/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng. Bà H đã trả đủ 24 ngày là 7.200.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 6.000.000 đồng, tiền lãi là 1.200.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 78.904 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.121.096 đồng.

32. Bà Nguyễn Kim A (H con bà M) vay 2.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 05/01/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà A đã trả đủ 24 ngày là 2.400.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 26.301 đồng, tiền thu lợi bất chính là 373.699 đồng.

33. Bà Lư Thị Kim Kh (N) vay 4.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 11/12/2023, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà Kh đã trả đủ 24 ngày là 4.800.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 52.603 đồng, tiền thu lợi bất chính là 747.397 đồng.

34. Bà Phùng Thị Ph vay 4.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 03/01/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà Ph đã trả đủ 24 ngày là 4.800.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 52.603 đồng, tiền thu lợi bất chính là 747.397 đồng.

35. Bà Nguyễn Thị U vay 5.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 30/3/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng. Bà U đã trả đủ 24 ngày là 6.000.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 65.753 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 934.247 đồng.

36. Bà Phùng Thị L vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 04/01/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà L đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

37. Bà Đào Thị Ng vay 2.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 21/01/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà Ng đã trả đủ 24

ngày là 2.400.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 26.301 đồng, tiền thu lợi bất chính là 373.699 đồng.

38. Bà Nguyễn Thị A vay 2.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 25/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà A mới trả được 12 ngày là 1.200.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 1.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 13.151 đồng, tiền thu lợi bất chính là 186.849 đồng. Số tiền gốc bà A còn nợ 1.000.000 đồng.

39. Bà Trương Thị Đ vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 17/3/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà Đ đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

40. Bà Lê Thị Th vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 11/3/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà Th đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

41. Bà Phùng Thị D vay 2.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 01/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà D mới trả được 6 ngày là 600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 500.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 6.575 đồng, tiền thu lợi bất chính là 93.425 đồng. Số tiền gốc bà D còn nợ 1.500.000 đồng.

42. Bà Trần Thị Kim Ng vay 2.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 28/10/2023, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà Ng đã trả đủ 24 ngày là 2.400.000 đồng, gồm tiền vay gốc 2.000.000 đồng, tiền lãi 400.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 26.301 đồng, tiền thu lợi bất chính là 373.699 đồng.

43. Bà Nguyễn Thị H (T) vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 27/02/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà H đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

44. Bà Nguyễn Thị M vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 03/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà M đã trả đủ 4 ngày là 600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 500.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 6.575 đồng, tiền thu lợi bất chính là 93.425 đồng. Số tiền gốc bà M còn nợ 2.500.000 đồng.

45. Bà Trần Thị L vay 7.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 21/3/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 350.000 đồng. Bà L đã trả đủ 24 ngày là 8.400.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 7.000.000 đồng, tiền lãi là 1.400.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 92.055 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.307.945 đồng.

46. Bà Huỳnh Thị Ch (S) vay 4.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 03/3/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Bà Ch đã trả đủ 24 ngày là 4.800.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 4.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 52.603 đồng, tiền thu lợi bất chính là 747.397 đồng.

47. Bà Nguyễn Thị Kim L (B) vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 24/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà L mới trả được 13 ngày là 1.950.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 1.625.000 đồng, tiền lãi là 325.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 21.370 đồng, tiền thu lợi bất chính là 303.630 đồng. Số tiền gốc bà L còn nợ 1.375.000 đồng.

48. Bà Nguyễn Thị Ngọc Á (Nh) vay 02 lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm:

- Lần 1: Vay 5.000.000 đồng vào ngày 10/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng. Bà Á đã trả đủ 24 ngày là 6.000.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 65.753 đồng, tiền thu lợi bất chính là 934.247 đồng.

- Lần 2: Vay 2.000.000 đồng vào ngày 21/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà Á đã trả đủ 24 ngày là 2.400.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 26.301 đồng, tiền thu lợi bất chính là 373.699 đồng.

49. Bà Trịnh Thị Bích Th vay 02 lần với tổng số tiền 6.000.000 đồng, mỗi lần 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 15/4/2024 và ngày 18/4/2024, thỏa thuận mỗi lần trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà Th đã trả đủ số tiền 2 lần vay này là 7.200.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 6.000.000 đồng, tiền lãi là 1.200.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 78.904 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.121.096 đồng.

50. Bà Võ Thị Hồng Ch vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 04/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà Ch đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 3.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

51. Bà Thuận Thị Th (Th) vay 2.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 26/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Bà Th đã trả đủ 24 ngày là 2.400.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 26.301 đồng, tiền thu lợi bất chính là 373.699 đồng.

52. Bà Dương Thị Thuỳ M vay 3.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 29/4/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà M đã trả đủ 24 ngày là 3.600.000 đồng, gồm tiền vay gốc 3.000.000 đồng, tiền lãi 600.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548 đồng.

53. Bà Phùng Thị Ch (H) vay 5.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm vào ngày 14/12/2023, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng. Bà Ch mới trả được 8 ngày là 2.000.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 1.666.667 đồng, tiền lãi là 333.333 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 21.918 đồng, tiền thu lợi bất chính là 311.416 đồng. Số tiền gốc bà Ch còn nợ 3.333.333 đồng.

54. Bà Phạm Thị R vay 3.000.000 đồng, vào ngày 05/5/2024, thỏa thuận trả trong 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Bà R mới trả được 02 ngày là 300.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 3.288 đồng, tiền thu lợi bất chính là 46.712 đồng. Số tiền gốc bà R còn nợ 2.750.000 đồng.

Trong 54 người vay trên, Đặng Văn D, Phan Văn D1 đã thu được số tiền gốc cho vay là 234.291.667 đồng, số tiền gốc cho vay chưa thu được là 53.708.333 đồng gồm của bà Nh 3.000.000 đồng, bà C 1.125.000 đồng, bà L 1.666.667 đồng, bà H 2.125.000 đồng, bà M 833.333 đồng, bà L 1.583.333 đồng, bà M 1.416.667 đồng, bà T 4.125.000 đồng, bà B 875.000 đồng, bà B 4.583.333 đồng, bà Tr 3.250.000 đồng, bà Nh 3.125.000 đồng, bà T 3.333.333 đồng, bà Th 333.333 đồng, bà T 1.750.000 đồng, bà Th 5.666.667 đồng, bà G 2.125.000 đồng, bà Ph 333.333 đồng, bà Á 1.000.000 đồng, bà D 1.500.000 đồng, bà M 2.500.000 đồng, bà L 1.375.000 đồng, bà Ch 3.333.333 đồng và bà R 2.750.000 đồng. *(Có bảng thống kê chi tiết khoản vay kèm theo).*

Ngoài ra, Đặng Văn D, Phan Văn D1 còn cho nhiều người khác vay vốn nhưng hiện không xác định được nhân thân, lý lịch cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số: 11/CT-VKSKV8-HS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà đã truy tố các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà giữ quyền công tố luận tội: Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Đặng Văn D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Mức phạt tiền từ 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* đến 70.000.000đ *(Bảy mươi triệu đồng)*.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Phan Văn D1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Mức phạt tiền từ 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) đến 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

Lời nói sau cùng: Tại phiên tòa, các bị cáo biết hành vi của mình là sai trái vi phạm pháp luật nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Toà án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng nhưng tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt và vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội:

Tại phiên toà, lời khai của các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà truy tố.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28 tháng 10 năm 2023 đến tháng 5 năm 2024, các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 đã cho 54 người trên địa bàn huyện N, tỉnh Ninh Thuận và thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (nay là tỉnh Khánh Hòa) vay tổng số tiền 288.000.000đ (*Hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*), lấy lãi suất từ 152,08% đến 304,17%/năm, cao gấp từ 7,60 lần đến 15,21 lần mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 43.645.731đ (*Bốn mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi một đồng*).

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, xét vai trò của từng bị cáo được đánh giá như sau:

- Bị cáo Đặng Văn D là người khởi xướng và thực hành.

- Bị cáo Phan Văn D1 là người thực hành.

Xét thấy hành vi nêu trên của các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng và xâm phạm tài sản của người khác nên Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà truy tố các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân:

- Bị cáo Đặng Văn D có nhân thân xấu (bị Công an xử phạt cảnh cáo 01 lần vào năm 2021).

- Bị cáo Phan Văn D1 có nhân thân xấu (bị Toà án xét xử 02 lần vào năm 2016, 2020; bị Công an xử phạt hành chính 01 lần vào năm 2015).

Về tình tiết tăng nặng:

- Bị cáo Đặng Văn D không có tình tiết tăng nặng.

- Bị cáo Phan Văn D1 có 01 (Một) tiền án chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

- Bị cáo Đặng Văn D: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Phan Văn D1: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Nhằm góp phần về việc tăng thu nộp ngân sách Nhà nước đối với loại tội phạm này, vì vậy áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước vật chứng có liên quan đến vụ án là phù hợp quy định tại Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cụ thể:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, số IMEI 1: 354877082345821; số IMEI 2: 354877082345839 (trong máy có seri 1:

356853078303106, seri 2: 356853078303114), bên trong có gắn thẻ sim số: 8984048000330088818. Mẫu vật được đóng gói trong túi niêm phong mã số NS3 23009493 có chữ ký của Mai Huy H, Nguyễn Duy M và đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hoà.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 11; số máy: MHDA3B/A; số IMEI 1: 356656421473819; số IMEI 2: 356656421487090, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số: 8401230112151867. Mẫu vật được đóng gói trong túi niêm phong mã số NS3 23009494 có chữ ký của Mai Huy H, Nguyễn Duy M và đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hoà..

- 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 29M1-575.87; số khung: 3901HY163761, số máy: JA39E0163815, xe đã qua sử dụng, được niêm phong bằng hình thức dán giấy A4 vào phần cúp xe và phần ổ khoá, bên trên có chữ ký của Nguyễn Minh Th, Vũ Văn Q, Đặng Văn D.

[7]. Biện pháp tư pháp:

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8 – Khánh Hoà đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền để sung ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cụ thể:

- Buộc các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 liên đới nộp lại số tiền 237.504.334 đồng (Trong đó: 234.291.731 đồng tiền gốc cho vay; 3.212.603 đồng tiền do phạm tội mà có) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền như sau:

- + Bà Nguyễn Thị Nh nộp lại 3.000.000 đồng.
- + Bà Đồng Thị Kim C nộp lại 1.125.000 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị L nộp lại 1.666.667 đồng.
- + Bà Trần Thị H nộp lại 2.125.000 đồng.
- + Bà Đồng Thị Thùy M nộp lại 833.333 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị Kim L nộp lại 1.583.333 đồng.
- + Bà Lê Thị Tuyết M nộp lại 1.416.667 đồng.
- + Bà Phan Thị T nộp lại 4.125.000 đồng.
- + Bà Bá Thị B nộp lại 875.000 đồng.
- + Bà Đảng Mai Kim B nộp lại 4.583.333 đồng.
- + Bà Tài Thị Tr nộp lại 3.250.000 đồng.
- + Bà Dương Thị Nh nộp lại 3.125.000 đồng.

- + Bà Thiên Thị Kim T nộp lại 3.333.333 đồng.
- + Bà Quảng Thị Th nộp lại 333.333 đồng.
- + Bà Đạt Thị Kim T nộp lại 1.750.000 đồng.
- + Bà Bùi Thị Minh Th nộp lại 5.666.667 đồng.
- + Bà Lưu Thị G nộp lại 2.125.000 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị Ph nộp lại 333.333 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị Á nộp lại 1.000.000 đồng.
- + Bà Phùng Thị D nộp lại 1.500.000 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị M nộp lại 2.500.000 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị Kim L nộp lại 1.375.000 đồng.
- + Bà Phùng Thị Ch nộp lại 3.333.333 đồng.
- + Bà Phạm Thị R nộp lại 2.750.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính và khoản lãi tương ứng với lãi suất trên 20%/năm). Cụ thể: Bà Nguyễn Thị Nh (H, Q) số tiền 1.121.096 đồng, bà Lưu Thị Kim Kh (N) số tiền 747.397 đồng.

Ngoài bà Nguyễn Thị Nh (H, Q) và bà Lưu Thị Kim Kh (N) ra, còn lại 52 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.770.000 đồng của bị cáo Đặng Văn D để đảm bảo thi hành án.

[8]. Về các vấn đề khác:

Trong quá trình đi cho vay, thu tiền các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 có sử dụng sim điện thoại số 0983.756.662, tài khoản số 1020100596789 tại ngân hàng MB Bank đều của chị Nguyễn Thị Th (Vợ của bị cáo D1). Tuy nhiên chị Thoa không biết việc các bị cáo D, D1 sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị Th là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. Về án phí:

Các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn D số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn D1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn D1 số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, số IMEI 1: 354877082345821; số IMEI 2: 354877082345839 (trong máy có seri 1: 356853078303106, seri 2: 356853078303114), bên trong có gắn thẻ sim số: 8984048000330088818. Mẫu vật được đóng gói trong túi niêm phong mã số NS3 23009493 có chữ ký của Mai Huy H, Nguyễn Duy M và đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hoà.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 11; số máy: MHDA3B/A; số IMEI 1: 356656421473819; số IMEI 2: 356656421487090, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số: 8401230112151867. Mẫu vật được đóng gói trong túi niêm phong mã số NS3 23009494 có chữ ký của Mai Huy H, Nguyễn Duy M và đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hoà..

- 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 29M1-575.87; số khung: 3901HY163761, số máy: JA39E0163815, xe đã qua sử dụng, được niêm phong bằng hình thức dán giấy A4 vào phần cúp xe và phần ổ khoá, bên trên có chữ ký của Nguyễn Minh Th, Vũ Văn Q, Đặng Văn D.

(Niêm phong còn nguyên vẹn, không kiểm tra tình trạng bên trong của tất cả các gói niêm phong trên).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu Vực 8, tỉnh Khánh Hoà).

3. Biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Buộc các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 liên đới nộp lại số tiền 237.504.334đ (*Hai trăm ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ bốn nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng*), chia phần cho mỗi bị cáo là 118.752.167đ (*Một trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền để sung ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị Nh, nộp số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

+ Bà Đồng Thị Kim C, nộp số tiền 1.125.000đ (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị L, nộp số tiền 1.666.667đ (*Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

+ Bà Trần Thị H, nộp số tiền 2.125.000đ (*Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

+ Bà Đồng Thị Thùy M, nộp số tiền 833.333đ (*Tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị Kim L, nộp số tiền 1.583.333đ (*Một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

+ Bà Lê Thị Tuyết M, nộp số tiền 1.416.667đ (*Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

+ Bà Phan Thị T, nộp số tiền 4.125.000đ (*Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

+ Bà Đảng Mai Kim B, nộp số tiền 4.583.333đ (*Bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

+ Bà Tài Thị Tr, nộp số tiền 3.250.000đ (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Bà Dương Thị Nh, nộp số tiền 3.125.000đ (*Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

+ Bà Thiên Thị Kim T, nộp số tiền 3.333.333đ (*Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

+ Bà Quảng Thị Th, nộp số tiền 333.333đ (*Ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

+ Bà Đạt Thị Kim T, nộp số tiền 1.750.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Bà Bùi Thị Minh Th, nộp số tiền 5.666.667đ (*Năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị Á, nộp số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

+ Bà Lưu Thị G, nộp số tiền 2.125.000đ (*Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị Ph, nộp số tiền 333.333đ (*Ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

+ Bà Phùng Thị D, nộp số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị M, nộp số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị Kim L, nộp số tiền 1.375.000đ (*Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

+ Bà Phùng Thị Ch, nộp số tiền 3.333.333đ (*Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

+ Bà Phạm Thị R, nộp số tiền 2.750.000đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Buộc các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị Nh (H, Q), số tiền 1.121.096đ (*Một triệu một trăm hai mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng*), chia phần cho mỗi bị cáo là 560.548đ (*Năm trăm sáu mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*).

- Buộc các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 liên đới trả lại cho bà Lưu Thị Kim Kh (N), số tiền 747.397đ (*Bảy trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*), chia phần cho mỗi bị cáo là 373.699đ (*Ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng*).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.770.000đ (*Hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*) của bị cáo Đặng Văn D để đảm bảo thi hành án (Theo Ủy nhiệm chi số 65, Lập ngày 22 tháng 12 năm 2025 tại Kho bạc Nhà nước (NH): khu vực XIV).

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Văn D, Phan Văn D1 mỗi người phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/01/2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND Khu Vực 8 – Khánh Hoà;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam số 2, CA tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng T.H.A Khu Vực 8 – Khánh Hoà;
- Phòng PC01 CA tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Khánh Hoà;
- Bị cáo; Người có QL,NV liên quan;
- Lưu hồ sơ, tập bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Tiến